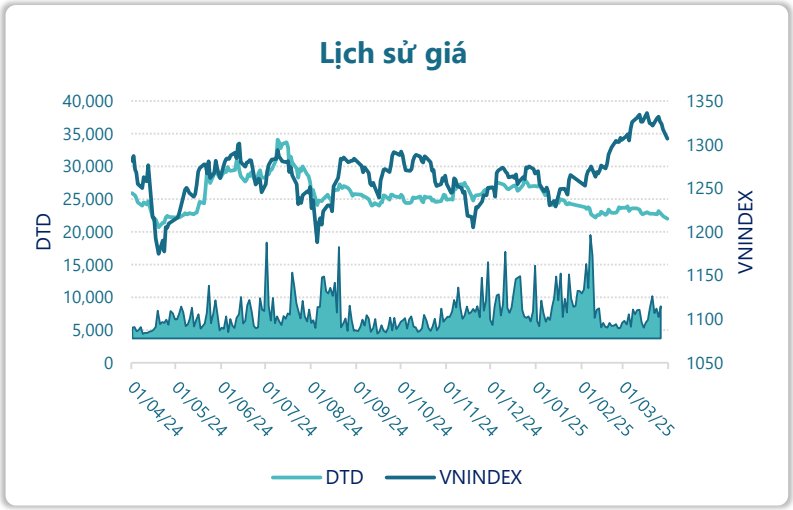
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt (HNX: DTD)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	34,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	20,702
SL cổ phiếu LH	57,488,785
KLGD BQ 20 phiên (CP)	430,165
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,265
P/E	9.3
EPS	2,373

DT thuần

Q1/25

219

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 155| 242%

YoY: ▲ 17.0| 8.4%

LN sau thuế

Q1/25

101

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 88.1| 680%

YoY: ▲ 25.1| 32.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

45.6%

+/- YoY: ▼ 7.1%

DT thuần

2024

495

tỷ VNĐ

YoY: ▼290| -37.0%

LN sau thuế

2024

176

tỷ VNĐ

YoY: ▼148| -45.6%

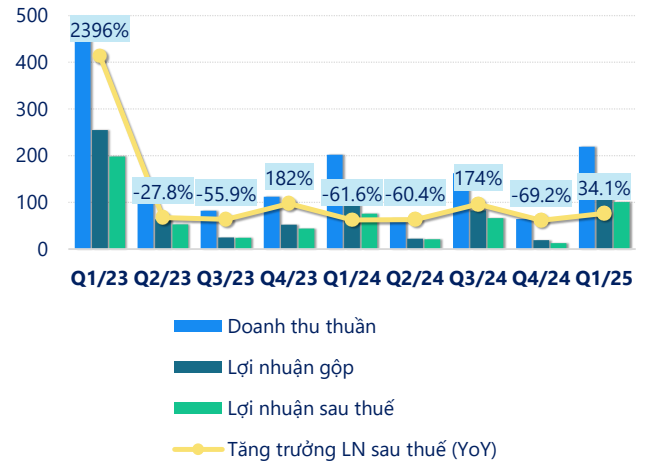
ROE

2024

9.4%

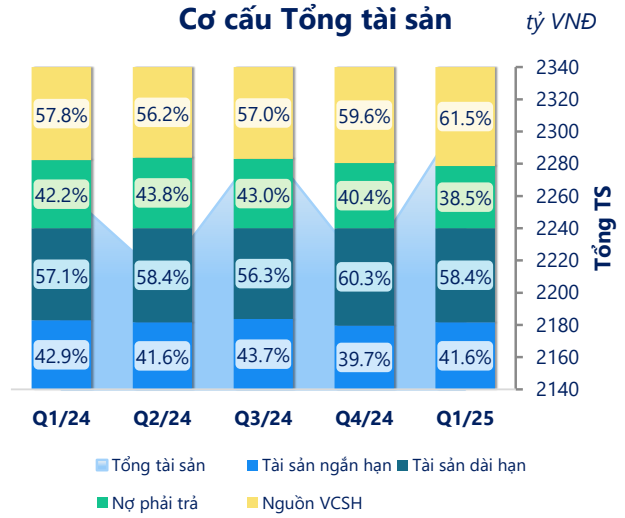
+/- YoY: ▼ 10.4%

Kết quả kinh doanh



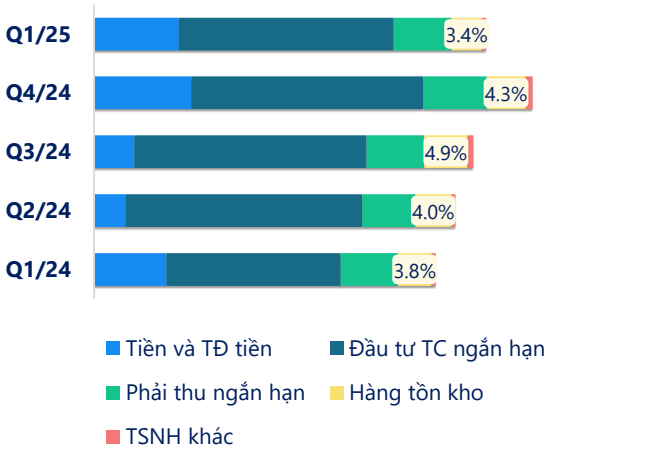
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



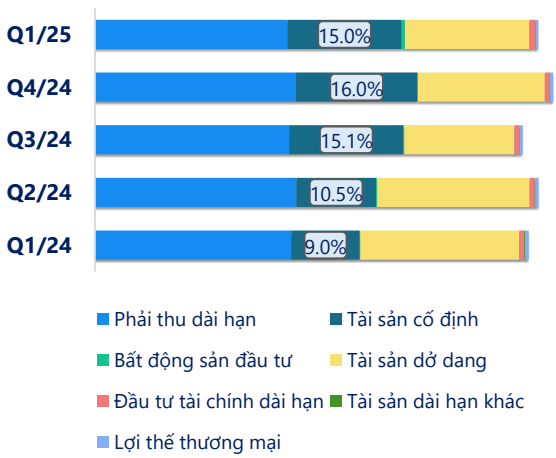
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



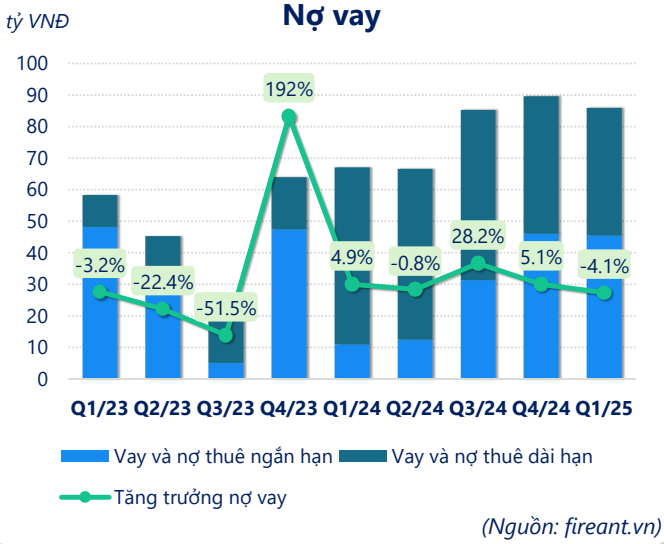
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



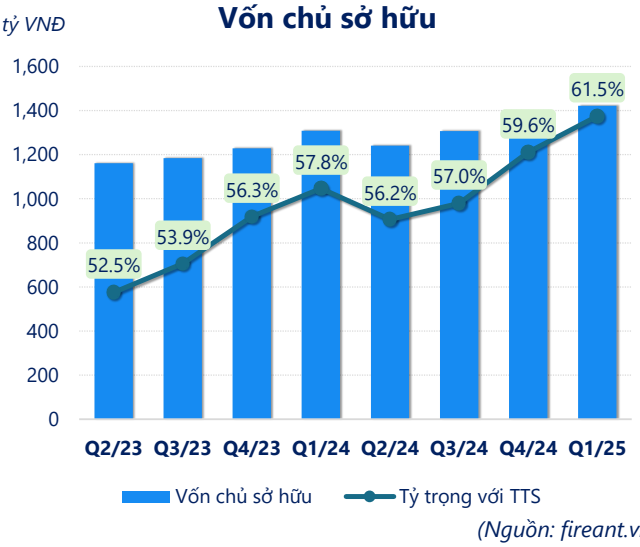
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



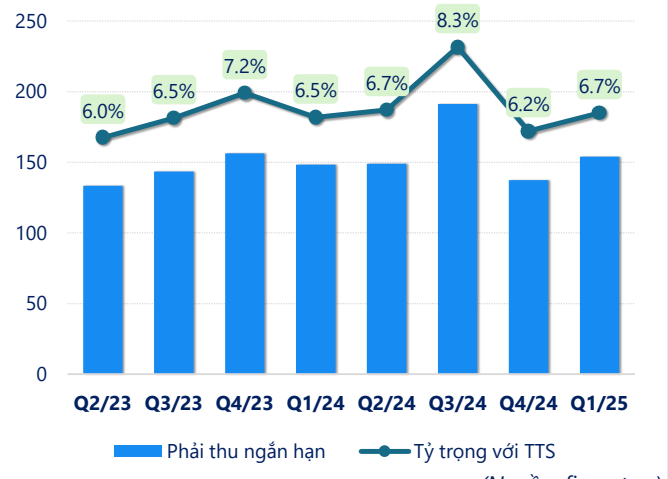
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



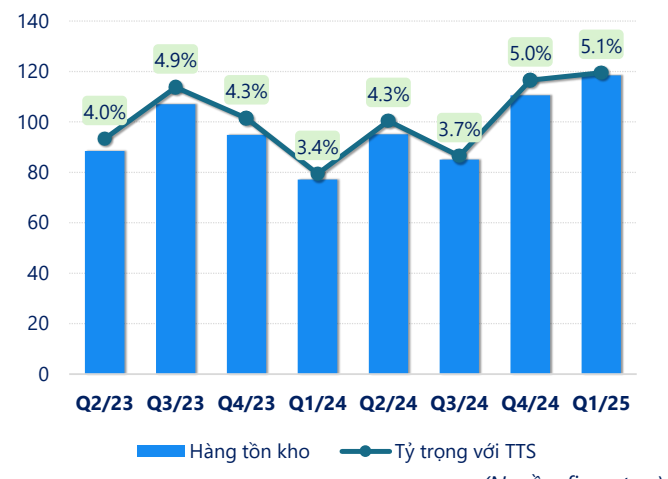
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



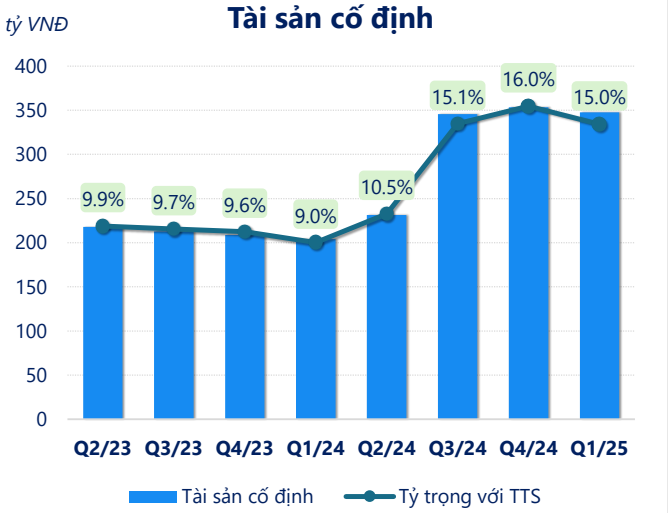
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



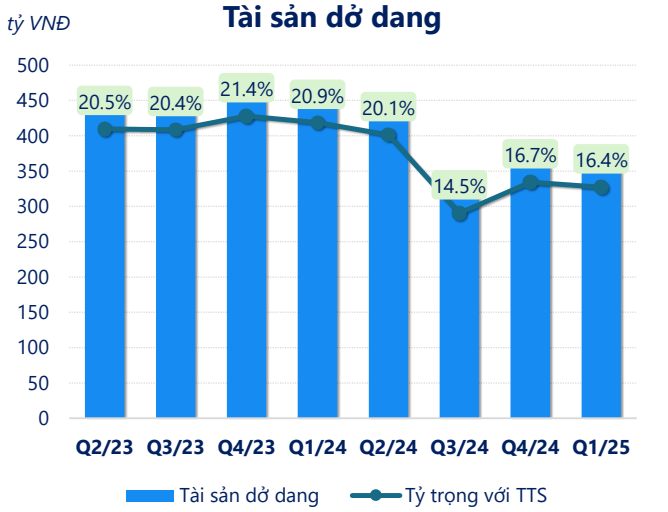
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



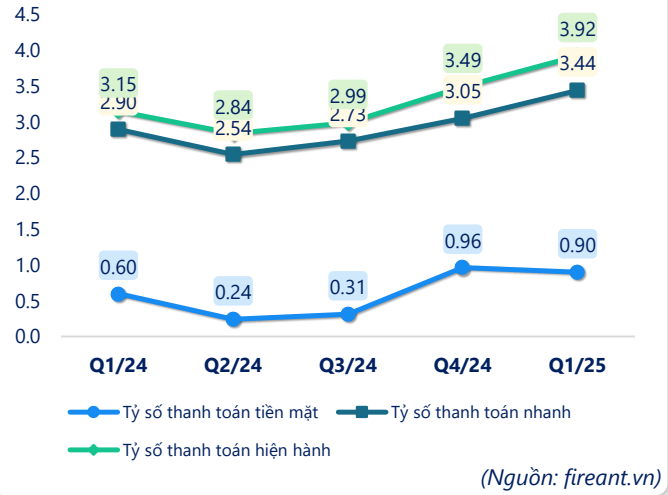
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



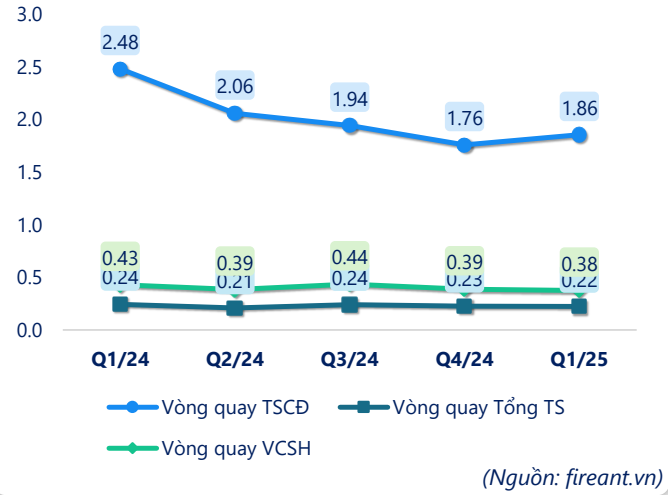
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**2,265**	**2,209**	**2,293**	**2,215**	**2,313**
Tài sản ngắn hạn	**972**	**919**	**1,002**	**879**	**963**
Tiền và tương đương tiền	185	78.0	104	243	221
Đầu tư tài chính ngắn hạn	549	581	603	365	443
Phải thu ngắn hạn	148	149	191	137	154
Hàng tồn kho	77.1	95.1	85.0	111	118
Tài sản ngắn hạn khác	11.7	15.3	18.2	23.2	27.3
Tài sản dài hạn	**1,294**	**1,290**	**1,292**	**1,336**	**1,350**
Phải thu dài hạn	586	586	586	586	586
Tài sản cố định	204	231	346	353	348
Bất động sản đầu tư	1.80	3.69	2.00	2.00	10.3
Tài sản dở dang	474	443	333	370	378
Đầu tư tài chính dài hạn	14.7	14.7	14.7	14.7	17.7
Tài sản dài hạn khác	3.02	1.95	0.90	0.74	1.42
Lợi thế thương mại	10.5	9.94	9.39	8.84	8.29
Nợ phải trả	**957**	**968**	**986**	**894**	**891**
Nợ ngắn hạn	**309**	**324**	**335**	**252**	**246**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	11.0	12.5	31.3	46.0	45.5
Phải trả người bán ngắn hạn	31.4	29.5	21.5	10.8	16.6
Nợ dài hạn	648	644	650	643	646
Vay và nợ thuê dài hạn	56.2	54.1	54.0	43.6	40.5
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,309**	**1,241**	**1,308**	**1,320**	**1,421**
Vốn chủ sở hữu	**1,309**	**1,241**	**1,308**	**1,320**	**1,421**
Vốn điều lệ	493	493	567	575	575
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)